

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - BẮC NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:56/2026/HNGĐ-ST

Ngày:16/4/2026

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - BẮC NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Thiện

Ông Giáp Hồng Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Văn Chức – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 320/2025/TLST-HNGĐ ngày 10/11/2025 “Về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 113/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 80/2026/QĐST- HNGĐ ngày 30/3/2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị H, sinh năm 2000 (có mặt)

Nơi ĐKKH: Thôn B, xã T, tỉnh Bắc Ninh;

Nơi ở hiện nay: Thôn T, xã X, tỉnh Bắc Ninh.

2. Bị đơn: Anh Tạ Văn Đ, sinh năm 1993 (có mặt)

Nơi thường trú: Thôn B, xã T, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 05/11/2025, Bản tự khai và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Phạm Thị H trình bày:

Chị và anh Tạ Văn Đ kết hôn với nhau ngày 07/8/2018 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang (nay là Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Bắc Ninh). Trước khi kết hôn anh chị được tự do tìm hiểu, tự nguyện đi đến hôn nhân, không bị ép buộc, anh chị có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương. Cưới xong chị về nhà anh Đ làm dâu ngay, cuộc sống vợ chồng ban đầu hạnh phúc. Đến đầu năm 2024 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, mâu thuẫn giữa mẹ chồng nàng dâu nên vợ chồng hay xảy ra cãi nhau. Từ tháng 7/2025 chị đã về

nhà bố mẹ đẻ ở thôn T, xã X, tỉnh Bắc Ninh sinh sống. Từ khi chị về nhà bố mẹ đẻ sinh sống thì anh Đ có xuống nói chuyện với chị và bà bố mẹ chị để đón chị về đoàn tụ. Bố mẹ anh Đ cũng xuống nhà nói chuyện với chị và gia đình chị để khuyên vợ chồng về đoàn tụ. Tuy nhiên, chị không về đoàn tụ với anh Đ, từ tháng 9 năm 2025 đến nay giữa chị và anh Đ không có nói chuyện, gọi điện hỏi thăm nhau. Vợ chồng chỉ liên lạc với nhau để hỏi thăm về con chung. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Tạ Văn Đ.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là Tạ Duy K, sinh ngày 22/02/2017 và Tạ Khánh L, sinh ngày 24/6/2019, hiện con chung đang ở với chị, vợ chồng ly hôn chị yêu cầu được nuôi cả hai con chung. Quá trình giải quyết vụ án chị H có bản tự khai đề nghị được nuôi con chung là cháu Tạ Khánh L, anh Đ nuôi cháu Tạ Duy K.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà chị H có mặt giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Tạ Văn Đ.

Về con chung: chị xin được nuôi dưỡng hai con chung là Tạ Duy K, sinh ngày 22/02/2017 và Tạ Khánh L, sinh ngày 24/6/2019. Trường hợp chị không được nuôi hai con chung thì chị đề nghị được nuôi con chung là Tạ Khánh L để anh Đ nuôi con chung là Tạ Duy K

Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai và biên bản ghi lời khai của bị đơn Tạ Văn Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh và chị Phạm Thị H kết hôn ngày 07/8/2018, anh chị tự nguyện đi đến hôn nhân, không bị ép buộc. Vợ chồng có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương. Cưới xong chị H về nhà anh làm dâu ngay và sống chung với bố mẹ anh đến năm 2020 - 2021 thì hai vợ chồng ra ở riêng trên mảnh đất của bố mẹ anh. Cuộc sống ban đầu hạnh phúc, không xảy ra mâu thuẫn gì. Đến tháng 8 năm 2025 chị H bỏ về nhà bố mẹ đẻ với lý do ông nội không trông con cho. Từ khi chị H về nhà bố mẹ đẻ anh với bố mẹ anh có khuyên giải để vợ chồng về đoàn tụ nhưng chị H không về. Vợ chồng vẫn thường xuyên liên lạc hỏi thăm nhau, nay chị H xin ly hôn anh không đồng ý ly hôn với chị H.

Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung là Tạ Duy K, sinh ngày 22/02/2017 và Tạ Khánh L, sinh ngày 24/6/2019. Trường hợp Tòa án xử cho chị H được ly hôn với anh thì anh không đồng ý giao hai con chung cho chị H nuôi dưỡng, anh yêu cầu được nuôi cháu K, chị H nuôi cháu L.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: anh không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên toà anh Tạ Văn Đ có mặt trình bày: anh mong muốn vợ chồng về đoàn tụ để nuôi dạy con chung, trường hợp chị H cương quyết xin ly hôn đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: anh đề nghị được nuôi con chung là Tạ Duy K, sinh ngày 22/02/2017 để chị H nuôi con chung là Tạ Khánh L, sinh ngày 24/6/2019.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: anh không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3- Bắc Ninh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đảm bảo theo quy định.

Đối với những người tham gia tố tụng: nguyên đơn, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn xử cho chị Phạm Thị H được ly hôn anh Tạ Văn Đ.

Về con chung: giao con chung Tạ Duy K, sinh ngày 22/02/2017 cho anh Tạ Văn Đ nuôi dưỡng, giao con chung Tạ Khánh L, sinh ngày 24/6/2019 cho chị Phạm Thị H nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Về quyền kháng cáo: nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào ý kiến đề nghị của đương sự. Căn cứ vào kết quả thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Phạm Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn và giải quyết về con chung với anh Tạ Văn Đ có nơi thường trú tại: thôn B, xã T, tỉnh Bắc Ninh. Tòa án nhân dân khu vực 3 - Bắc Ninh đã thụ lý giải vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” là đúng pháp luật, đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không thành nên đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh Đ đăng ký kết hôn ngày 07/8/2018 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang (nay là Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Bắc Ninh). Trước khi kết hôn anh chị được tự do tìm hiểu, tự nguyện đi đến hôn nhân, không bị ép buộc nên là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

Sau khi kết hôn, chị H về nhà anh Đ làm dâu, cuộc sống ban đầu hạnh phúc. Đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng hay cãi nhau. Chị H đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ tháng 8 năm 2025 cho đến nay, không còn quan tâm, liên lạc với anh Đ. Nay chị H thấy không còn tình cảm với anh Đ, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn với anh Đ. Về phía anh Đ nhất trí với lời trình bày của chị H về thời điểm kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn và thời điểm sống ly thân. Chị H xin ly hôn, anh Đ không đồng ý ly hôn với chị H. Tại biên bản xác minh với Hội trưởng hội phụ

nữ thôn B, xã T và ông Tạ Văn S là bố đẻ anh Đ cho biết vợ chồng chị H, anh Đ có mâu thuẫn với nhau. Hiện nay, chị H, anh Đ mỗi người sống một nơi. Chị H về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Việc mâu thuẫn vợ chồng anh Đ, chị H đã được gia đình hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ nhưng chị H không về. Hội đồng xét xử thấy tình nghĩa vợ chồng giữa chị H, anh Đ đã không thực hiện đầy đủ theo Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình là phải yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc gia đình và sống chung với nhau; quan hệ hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình, cần xử cho chị H được ly hôn anh Đ là phù hợp.

[3] Về con chung: Vợ chồng chị H, anh Đ có 02 con chung là Tạ Duy K, sinh ngày 22/02/2017 và Tạ Khánh L, sinh ngày 24/6/2019. Vợ chồng ly hôn, chị H yêu cầu được nuôi hai con chung. Anh Đ không đồng ý để chị H nuôi hai con chung, anh đề nghị được nuôi cháu K còn để chị H nuôi cháu L. Hội đồng xét xử thấy hiện nay anh Đ và chị H đều đi làm công nhân có thu nhập ổn định, xét về điều kiện nuôi con thì anh Đ, chị H đều đảm bảo nuôi con. Để đảm bảo cho việc ổn định cuộc sống, chăm sóc cháu L nên cần giao cho chị H tiếp tục nuôi cháu L, giao cho anh Đ nuôi cháu K là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và đình.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: do chị H và anh Đ không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: anh Đ, chị H không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: chị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 146, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, khoản 1, khoản 2 Điều 81, khoản 1, khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Phạm Thị H được ly hôn anh Tạ Văn Đ
2. Về con chung: Giao cho chị Phạm Thị H trực tiếp nuôi con chung là Tạ Khánh L, sinh ngày 24/6/2019, anh Tạ Văn Đ trực tiếp nuôi con chung là Tạ Duy K, sinh ngày 22/02/2017 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.
Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.
3. Về án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003281 ngày 10 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh (Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 – Bắc Ninh). Xác nhận chị Phạm Thị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.
4. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND khu vực 3- Bắc Ninh;
- THADS tỉnh Bắc Ninh;
- UBND xã Tam Tiến, tỉnh Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đoàn Thị Oanh